

Bản án số: **640/2022/DS-PT**

Ngày: 15/9/2022

*“V/v Yêu cầu tuyên bố văn bản
công chứng vô hiệu và Tranh chấp
thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc *“Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và Tranh chấp thừa kế”*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 560/2019/DS-ST ngày 30 tháng 05 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2147/2022/QĐXX-PT ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Bích L. Sinh năm 1966.

Địa chỉ: phường X, quận B, TP HCM. (Có mặt)

2. Bị đơn: Phòng Công chứng số Y, TP HCM.

Địa chỉ: phường N, Quận Z, TP HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trí H - Trưởng phòng.

Người đại diện theo ủy quyền: Thái Quốc N. (Có mặt)

Địa chỉ: phường N, Quận Z, TP HCM. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Quang Minh T. Sinh năm 2000.

Địa chỉ: phường A, quận P, TP HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Bích L. Sinh năm 1966.

Địa chỉ: phường X, quận B, TP HCM. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 011464, quyền số: 12 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 03/11/2018 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn C, TP HCM). (Có mặt)

3.2 Bà Bùi Kim D T1 (Bùi Thị Kim D). Sinh năm 1945. (Vắng mặt)

Trú tại: Alafaya W, Or, Flo, U.

3.3 Bà Nguyen Hoang O (Nguyễn Sơn Hoàng O). Sinh năm 1984.
(Vắng mặt)

Trú tại: Alafaya W, Or FL U.

3.4 Bà Lê Hồng Y. Sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố M2 PMH, phường T, Quận V, TP HCM.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Bùi Quang N1. Sinh năm 1957. (Vắng mặt)

Ông Ngô Tấn T2. Sinh năm 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: phường Nguyễn Thái B, Quận I, TP HCM. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 008225, quyền số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 11/7/2018 tại Văn phòng Công chứng BT).

3.5 Văn phòng Công chứng T3 TP HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân T4. (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường V, Quận B, TP HCM. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.6 Ủy ban nhân dân quận P, TP HCM.

Địa chỉ: phường Y, quận P, TP HCM.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Ngọc T4. Sinh năm 1976.

Địa chỉ: phường M, quận P, TP HCM. (Vắng mặt)

Do có kháng cáo của nguyên đơn Bà Đoàn Thị Bích L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Sơn Đ, sinh năm 1943, chung sống như vợ chồng và có một con chung là cháu Nguyễn Quang Minh T, sinh ngày 07/9/2000. Theo giấy khai sinh số 141/209 quyền số I, do Ủy ban nhân dân phường A, quận P cấp ngày 31/10/2000.

Đến tháng 10/2001 bà và ông Nguyễn Sơn Đ không chung sống với nhau, bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quang Minh T và ông Đ có trách nhiệm đóng góp trợ cấp nuôi con theo bản án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 05/8/2015 bà được người bà con của ông Đ báo ông Đ đã chết vào ngày 14/4/2015, nhưng gia đình ông Đ không ai báo cho bà được biết để bà đưa con về thọ tang.

Sau khi ông Đ qua đời thì vợ của ông Đ là bà Bùi Thị Kim D cùng con gái là Nguyễn Sơn Hoàng O đã kê khai di sản thừa kế căn nhà và đất của ông Đ số 34/6 (số mới 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM. Đây là tài sản riêng của ông Đ tạo lập, có xác nhận của bà D vào ngày 25/10/1989 được Ủy ban nhân dân phường Y, quận P xác nhận. Việc ông Đ chung sống như vợ chồng với bà và có con riêng cả gia đình ông Đ ai cũng biết. Việc kê khai di sản thừa kế bà Bùi Thị Kim D cùng con gái là Nguyễn Sơn Hoàng O đã cố tình khai báo gian dối, không kê khai cháu Nguyễn Quang Minh T vào hàng thừa kế là trái quy định

của Bộ luật dân sự (đính kèm văn bản kê khai di sản thừa kế số 013863 do Phòng Công chứng số Y, TP HCM chứng nhận ngày 09/6/2015).

Điều đáng lưu ý trong giấy khai sinh của bà Nguyễn Sơn Hoàng O, tên cha là Nguyễn Sơn D1 nhưng tên đúng là Nguyễn Sơn Đ và năm sinh của ông Đ là năm 1943 thì khai sinh của Hoàng O tên cha Nguyễn Sơn D1 năm sinh là 1934. Khi có sự không trùng khớp về hộ tịch thì dựa vào cơ sở pháp lý nào để Phòng Công chứng số Y, TP HCM chứng nhận ngày 09/6/2015. Từ việc làm thiếu trách nhiệm này của Phòng Công chứng số Y, đã tạo điều kiện cho bà Bùi Thị Kim D cùng con gái là Nguyễn Sơn Hoàng O hoàn thành thủ tục pháp lý để đứng tên sở hữu toàn bộ căn nhà số 34/6 (số mới là 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM.

Không dừng lại, bà Bùi Thị Kim D cùng con gái là Nguyễn Sơn Hoàng O đã nhanh chóng tẩu tán toàn bộ tài sản bằng cách ngày 05/8/2015 đã đến Văn phòng Công chứng T3, TP HCM ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở căn nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM cho bà Lê Hồng Y. Hiện nay bà Lê Hồng Y đang làm thủ tục đăng bộ tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận T.

Nay bà yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết như sau:

- Buộc Phòng Công chứng số Y, TP HCM thu hồi và Hủy bỏ Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 013863 do Phòng Công chứng số Y, TP HCM chứng nhận ngày 09/6/2015.

- Buộc Văn Phòng Công chứng T3, TP HCM thu hồi và Hủy bỏ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01081 do do Văn phòng Công chứng T3 lập ngày 05/8/2015.

- Công nhận quyền thừa kế duy nhất cho con trai bà là Nguyễn Quang Minh T đối với nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM đã được Ủy Ban Nhân Dân quận T, TP HCM cấp cho ông Nguyễn Sơn Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3282/2003 ngày 06/5/2003.

Trước khi mua nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM thì ông Đ đã bán căn nhà 60/4 Duy T, SG, mua căn nhà 198/13 Nguyễn Huỳnh Đ, ấp Tây N3, P. Sau đó bán căn nhà 198/13 Nguyễn Huỳnh Đ, ấp Tây N3, P để mua căn nhà số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM, đây là tài sản riêng của ông Nguyễn Sơn Đ.

Bà Bùi Thị Kim D cũng đã viết Tờ xác nhận ngày 25/10/1989, bà xác nhận bà không làm chủ bất động sản trên, bà D cũng cam đoan không khiếu nại gì về sau.

Theo bị đơn Phòng Công chứng Số Y, TP HCM có ông Trịnh Huỳnh Liêm K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên trước đây, Phòng công chứng số Y có tiếp nhận yêu cầu công chứng văn bản khai nhận di sản ông Nguyễn Sơn Đ (chết năm 2015) để lại đối với nhà, đất tọa lạc tại số 34/6 (số mới 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM của bà Bùi Kim Dung T1 (Bùi Thị Kim D) và bà Nguyen Hoang O (Nguyễn Sơn Hoàng O).

Hồ sơ xuất trình gồm có:

- Phiếu yêu cầu công chứng.

- Giấy tờ tùy thân: Hộ chiếu của bà Bùi Kim Dung T1 (Bùi Thị Kim D); chứng minh nhân dân, hộ khẩu của ông Nguyễn Sơn Đ.

- Giấy tờ liên quan đến di sản: Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3282/2003 do Ủy ban nhân dân quận T, TP HCM cấp ngày 06/5/2003, đăng ký thay đổi chủ sở hữu ngày 05/10/2004; Tờ khai nộp lệ phí trước bạ nhà đất ngày 23/9//2004 tại Phòng thuế trước bạ và thu khác; Hợp đồng mua bán nhà số 026993/HĐ-MBN do Phòng Công chứng số F, TP HCM chứng nhận ngày 15/9/2004; Quyết định số 1363/QĐ-UB-QLĐT ngày 24/01/2005 về việc đổi số nhà của Ủy ban nhân dân quận T, TP HCM.

- Giấy tờ khác liên quan có đến hợp đồng, giao dịch (khai nhận di sản); Giấy chứng tử của ông Nguyễn Sơn Đ do Ủy ban nhân dân phường B, quận T cấp ngày 20/4/2015 số 32; Tờ tường trình quan hệ nhân thân có xác nhận của Phòng tư pháp Quận I, TP HCM ngày 11/5/2015; Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân quận P cấp ngày 07/01/1984 số 05; Giấy thế vì khai sinh ông Nguyễn Sơn Đ do Phòng lục sự Tòa Hòa Giải SG cấp ngày 21/6/1961, lục sao y ngày 24/4/1969; Giấy khai sinh của bà Nguyễn Sơn Hoàng O (Nguyễn Hoàng O) do Ủy ban nhân dân quận P, TP HCM cấp ngày 03/8/1984. Giấy cam kết do bà Bùi Kim Dung T1 (Bùi Thị Kim D) lập có xác nhận của Phòng Tư pháp Quận I, TP HCM ngày 11/5/2015 số 5614; Giấy tường trình và cam kết do bà Bùi Kim Dung T1 (Bùi Thị Kim D) lập có xác nhận của Phòng Công chứng số Y, TP HCM ngày 09/6/2015 số chứng thực 000365; Bản tuyên thệ (hai tên là một) của bà Nguyễn Hoàng O (Nguyễn Sơn Hoàng O) lập ngày 22/4/2015, có chứng nhận của Phòng Công chứng số Y, TP HCM, số công chứng 009523.

Nhận thấy hồ sơ nêu trên đã đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật Công chứng 2014, theo trình bày của Công chứng viên: “Công chứng viên đã kiểm tra để xác định người để lại di sản đúng là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản và những người yêu cầu công chứng đúng là người được hưởng di sản”, nên Phòng Công chứng đã thụ lý niêm yết, tiến hành các thủ tục theo quy định tại Điều 57; Điều 58 Luật Công chứng và đã thực hiện việc chứng nhận văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên theo đúng quy định của Luật công chứng và các quy định của pháp luật liên quan.

Trách nhiệm là do bà Bùi Thị Kim D trong việc khai nhận di sản thừa kế căn nhà số 34/6 (số mới 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T do ông Nguyễn Sơn Đ để lại.

Đến thời điểm hiện nay Phòng công chứng mới được biết ông Đ có một con là Nguyễn Sơn Hoàng O (con chung với bà Bùi Thị Kim D có kết hôn) và ngoài ra còn có một người con khác là Nguyễn Quang Minh T. Hai người con đều có giấy khai sinh.

Theo trình bày của Công chứng viên công chứng hồ sơ thì khi khai nhận di sản nêu trên, bà Bùi Thị Kim D đã không thông báo cho Công chứng viên biết việc này. Đây có thể là hành vi gian dối, giấu giếm, vi phạm quy định của pháp luật vì Điều 75 Luật Công chứng đã có quy định: “Người yêu cầu công chứng có hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ, văn bản giả mạo, cạo sửa, tẩy xóa giấy tờ, văn bản trái pháp luật hoặc có hành vi gian dối khác khi yêu cầu công chứng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm

hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Ông Trần Thanh L1 là người đại diện theo ủy quyền của Bà Bùi Kim Dung T1 (Bùi Thị Kim D) và bà Nguyen Hoang O (Nguyễn Sơn Hoàng O) trình bày:

Theo yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Thị Bích L trình bày ông không đồng ý.

Vì theo Giấy công nhận kết hôn ngày 07/01/1984 do Ủy ban nhân dân phường Y, quận P đã công nhận ông Nguyễn Sơn Đ và bà Bùi Thị Kim D là vợ chồng. Và theo Trích lục bản sao giấy khai sinh ngày 22/9/2016 do Ủy ban nhân dân quận P cấp thì Nguyễn Sơn Hoàng O là con của bà Bùi Thị Kim D và ông Nguyễn Sơn Đ.

Bà L không có cơ sở gì để cho rằng bà Nguyễn Sơn Hoàng O, sinh ngày 23/7/1984 không phải là con của ông Nguyễn Sơn Đ.

Ông là người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Kim D và bà Nguyễn Sơn Hoàng O đồng ý chia căn nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM đã được Ủy Ban Nhân Dân quận T, TP HCM cấp cho ông Nguyễn Sơn Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3282/2003 ngày 06/5/2003, ½ phần của bà D, ½ còn lại chia làm ba phần là bà Bùi Thị Kim D, Nguyễn Sơn Hoàng O, Nguyễn Quang Minh T.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Hồng Y trình bày:

Bà đã có đơn yêu cầu độc lập và đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán nhà mà hai bên đã tranh chấp.

Bà yêu cầu Tòa xử cho tiếp tục thực hiện việc mua bán nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Văn phòng Công chứng T3 đã lập ngày 05/8/2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/7/2018 các đương sự đều thống nhất giao nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM cho ông Nguyễn Quang Minh T sở hữu (có đại diện theo ủy quyền là bà Đoàn Thị Bích L). Bà Đoàn Thị Bích L có trách nhiệm thanh toán cho bà Lê Hồng Y số tiền là 2.550.000.000 đồng, ông Trần Thanh L1 thanh toán cho bà Lê Hồng Y số tiền 400.000,000 đồng. Nhưng phiên tòa phải hoãn lại và không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa vì vắng mặt người đại diện ủy quyền của bà Bùi Kim Dung T1 (Bùi Thị Kim D) và bà Nguyen Hoang O (Nguyễn Sơn Hoàng O), các đương sự yêu cầu tòa án dừng lại để các bên tự thương lượng, hòa giải.

Sau một thời gian để các đương sự tự nguyện thỏa thuận, hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 10/9/2018 phía nguyên đơn bà Đoàn Thị Bích L và bà Lê Hồng Y đã ký biên bản thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án như sau: Bà Đoàn Thị Bích L đồng ý giao cho bà Lê Hồng Y số tiền 3.050.000.000 đồng và bà Lê Hồng Y đồng ý giao nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM cho ông Nguyễn Quang Minh T (có đại diện theo ủy quyền là bà Đoàn Thị Bích L) sở hữu. Số tiền ông Nguyễn Quang Minh T được chia phần thừa kế của di sản ông Nguyễn Sơn Đ để lại là 450.000.000 đồng,

hiện nay ông L1 đại diện cho bà D đang quản lý. Số tiền này sẽ giao cho bà Lê Hồng Y. Bà Y được nhận tổng cộng số tiền là 3.500.000.000 đồng và giao toàn bộ giấy tờ liên quan đến căn nhà nói trên cho bà Đoàn Thị Bích L. Nhưng sau đó bà Lê Hồng Y lại không nhất trí với thỏa thuận trên.

Ngày 14/8/2018 bà Lê Hồng Y có đơn đề nghị Tòa án cho tiến hành định giá lại tài sản nhà căn nhà và đất tại 107/48 Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã cho tiến hành định giá lại toàn bộ trị giá căn nhà và đất nêu trên.

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá số 2220918/CT-TV của Công ty Cổ phần định giá và Đầu tư kinh doanh bất động sản V thì giá trị quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất tại nhà số 107/48 (số cũ 34/6) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM trị giá là 5.030.024.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 560/2019/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên xử:

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang Minh T.

1. Tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 013863 do Phòng Công chứng số Y, TP HCM chứng nhận ngày 09/6/2015 là vô hiệu.

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01081 do Văn phòng Công chứng T3 lập ngày 05/8/2015 là vô hiệu.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đoàn Thị Bích L là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang Minh T cho rằng quyền thừa kế duy nhất cho ông Nguyễn Quang Minh T đối với nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM đã được Ủy Ban Nhân Dân quận T, TP HCM cấp cho ông Nguyễn Sơn Đ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 3282/2003, ngày 06/5/2003.

II. Giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu như sau:

1. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Sơn Đ là trị giá căn nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM tương đương với số tiền 5.030.024.000 đồng. Mỗi thừa kế được hưởng là 1.173.672.266 đồng.

2. Nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48) Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM đã định giá là 5.030.024.000 đồng.

Bà Bùi Thị Kim D được hưởng là 2.682.679.466 đồng.

Bà Nguyễn Sơn Hoàng O được hưởng là 1.173.672.266 đồng. Tổng cộng bà Bùi Thị Kim D và bà Nguyễn Sơn Hoàng O là 3.856.351.732 đồng.

Ông Nguyễn Quang Minh T (con của bà Đoàn Thị Bích L) được hưởng là 1.173.672.266 đồng.

3. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01081 do Văn phòng Công chứng T3 lập ngày 05/8/2015 giữa bà Bùi Thị Kim D và bà Lê Hồng Y đối với nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM là vô hiệu.

4. Giao căn nhà và đất số 34/6 (số mới 107/48), Phạm Văn H, phường B, quận T, TP HCM cho ông Nguyễn Quang Minh T quản lý, sử dụng và sở hữu.

Bà Bùi Thị Kim D có trách nhiệm thanh toán trả cho bà Lê Hồng Y số tiền là 1.173.672.266 đồng.

Ông Nguyễn Quang Minh T có trách nhiệm trả cho bà Lê Hồng Y số tiền là 3.856.351.732 đồng.

5. Huỷ bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 89/2015/QĐ-ADBPCTT, ngày 05/10/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Huỷ bỏ biện pháp bảo đảm số 85/2015/QĐ-BPBD, ngày 28/9/2015 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự, chi phí định giá và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/6/2019, bà Đoàn Thị Bích L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo nội dung:

- Không công nhận 30% giá trị căn nhà số 34/6 Phạm Văn H, phường B, Quận T là tài sản của ông Đ để lại.

- Tuyên phần thừa kế cho các đồng thừa kế được hưởng theo phần trăm giá trị di sản, số tiền mỗi thừa kế được hưởng được quy đổi ra tiền % theo giá trị định giá.

- Xem xét yêu cầu hỗ trợ gia đình bà số tiền 300.000.000 đồng từ tiền thuê nhà bà D, bà Y được hưởng.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm, bà D trước khi đi xuất cảnh đã có bản cam kết tài sản riêng của ông Đ, căn nhà số 34/6 Phạm Văn H là tài sản riêng của ông Đ và Nguyễn Quang Minh T là người thừa kế duy nhất của ông Đ. Đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Ngô Tấn T2, đại diện cho bà Lê Hồng Y trình bày: giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện phòng Công chứng số Y trình bày: giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên toà phát biểu:

-Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích L làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Xét tố tụng tại cấp sơ thẩm bà Bùi Thị Kim D trong giai đoạn sơ thẩm uỷ quyền cho ông Trần Thanh L1. Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, bà D đã có văn bản huỷ uỷ quyền mà cấp sơ thẩm vẫn xác định ông L1 đại diện cho bà D là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị hủy toàn bộ bản án, chuyển hồ sơ cho Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích L làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Đoàn Thị Bích L, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Tại cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử xác định Ông Trần Thanh L1 là đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị Kim D và bà Nguyễn Sơn Hoàng O. Tuy nhiên, kiểm tra toàn bộ hồ sơ không có giấy Ủy quyền của bà Nguyễn Sơn Hoàng O cho ông Trần Thanh L1; ngày 07/12/2019 bà Bùi Thị Kim D cũng có văn bản hủy ủy quyền đối với ông Trần Thanh L1. Ngày 18/01/2021 Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý hồ sơ vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Sau khi kiểm tra hồ sơ, xét thấy Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa tổng đạt bản án sơ thẩm cho bà Bùi Thị Kim D và bà Nguyễn Sơn Hoàng O. Tòa án Nhân dân Cấp cao đã có văn bản yêu cầu Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc tổng đạt theo quy định. Ngày 14/7/2020 Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 528/UTTPHN-TA30 đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp. Tuy nhiên. Hồ sơ Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chuyển lên không có bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Bộ Tư pháp đã nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp và đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp. Vì vậy không có cơ sở xác định bà Bùi Thị Kim D và bà Nguyễn Sơn Hoàng Oanh đã được tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm hay chưa.

Việc cấp sơ thẩm xác định tư cách đại diện tham gia tố tụng không đúng, không tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị Kim D và bà Nguyễn Sơn Hoàng O là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để tiến hành các thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Do vi phạm thủ tục tố tụng, cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại.

Về án phí: Do hủy án, bà Đoàn Thị Bích L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 560/2019/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2019 chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:, Bà bà Đoàn Thị Bích L được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0091533 và số 0091528 cùng ngày 29/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh

Phan Văn Yên

Phan Tô Ngọc

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP.Hồ Chí Minh ;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (5);
- Lưu VP(3), HS (2).13b.(ĐHV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Tô Ngọc